

HOÀN THIỆN CƠ CHẾ BẢO VỆ CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN

**BÀNH QUỐC TUẤN
& LÊ HỮU LINH**

*Khoa Luật, Đại học Kinh tế - Luật
ĐHQG TP. Hồ Chí Minh*

Doanh nghiệp đóng vai trò rất quan trọng đối với quá trình vận hành của nền kinh tế một quốc gia. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá “sức khỏe” của nền kinh tế. Chính vì vậy, hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp là một trong những yêu cầu quan trọng đặt ra trong quá trình quản lý nhà nước về kinh tế, đặc biệt là việc sử dụng công cụ pháp luật để thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô. Trong các loại hình doanh nghiệp của VN hiện nay, công ty cổ phần giữ vai trò quan trọng và hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước đối với công ty cổ phần là yêu cầu cấp thiết đặt ra trong giai đoạn hiện nay. Bài viết sau đây sẽ phân tích những quy định của pháp luật hiện hành về cổ đông thiểu số của công ty cổ phần cũng như những giải pháp đề xuất nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý đối với cổ đông thiểu số trong công ty cổ phần.

Từ khoá: Doanh nghiệp, cơ chế quản lý nhà nước, pháp luật, công ty cổ phần, cổ đông thiểu số.

1. Định nghĩa cổ đông thiểu số của công ty cổ phần (CTCP) tại VN hiện nay

Pháp luật thực định của VN chưa có một định nghĩa về cổ đông thiểu số hay các đặc điểm của cổ đông thiểu số. Tuy nhiên, trong các văn bản pháp luật cụ thể tồn tại nhiều thuật ngữ dùng để chỉ cổ đông thiểu số như cổ đông ít vốn, cổ đông nhỏ. Về mặt lý luận, có quan điểm chia cổ đông thành cổ đông ít vốn và cổ đông đa số, có quan điểm thì cho rằng “người nắm giữ phần vốn đáng kể trong công ty

được gọi là cổ đông đa số. Ngược lại, các cổ đông nhỏ không có ảnh hưởng đáng kể trong quản lý và điều hành công ty được xem là cổ đông thiểu số”¹. Một số văn bản pháp luật VN hiện hành không định nghĩa cổ đông thiểu số mà đưa ra quy định về cổ đông lớn. Chẳng hạn khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán quy định: “Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ

chức phát hành”. Như vậy, ta có thể suy luận 5% là ranh giới để xác định cổ đông lớn cổ đông nhỏ theo Luật chứng khoán. Tương tự tại khoản 4 Điều 86 Luật doanh nghiệp 2005 quy định: “Cổ đông sở hữu 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan kinh doanh có thẩm quyền...”. Theo quy định này ta cũng có thể suy luận những cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần chính là các cổ đông lớn. Từ sự không thống nhất trong quy định của

1. Bùi Xuân Hải, Luật doanh nghiệp bảo vệ cổ đông pháp luật và thực tiễn, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2011, tr.127.

pháp luật chúng ta rất khó đưa ra một định nghĩa đầy đủ về cổ đông thiểu số.

Dù hiện tại tồn tại nhiều quan điểm khác nhau; tuy nhiên, về mặt lý luận chúng ta có thể hiểu cổ đông thiểu số là cổ đông không chi phối được công ty, không có khả năng áp đặt quan điểm, ý chí, đường lối, sách lược của mình trong công ty... khi các cổ đông thực hiện các quyền của mình. Trong bài viết này thuật ngữ “cổ đông thiểu số” được hiểu là các cổ đông nhỏ không phải là ít về số lượng cổ đông mà nhỏ về giá trị vốn góp so với các cổ đông khác. Và chúng ta có thể định nghĩa cổ đông thiểu số dựa trên hai yếu tố quan trọng hàng đầu sau đây²:

Thứ nhất, nói đến cổ đông thiểu số phải nói đến vốn góp của họ là tổng số cổ phần mà họ sở hữu (là phần trăm cổ phần có quyền biểu quyết) hay phần vốn góp của họ (tỉ lệ phần trăm) trong vốn điều lệ của công ty;

Thứ hai, nói đến cổ đông thiểu số là nói đến khả năng của họ trong việc tác động tới chính sách kế hoạch kinh doanh, chiến lược phát triển, lựa chọn người quản lý công ty hay nói cách khác là nói tới vai trò của họ khi biểu quyết thông qua các vấn đề tại cơ quan quyền lực cao nhất trong công ty.

Không ít trường hợp cho rằng từ thiểu số được hiểu là các cổ đông này chiếm số ít trong công ty, cách hiểu này chưa chính xác. Thiểu số ở đây được hiểu là số

vốn góp ít ỏi trong tổng số vốn điều lệ của CTCP. Bởi nếu hiểu thiểu số là chiếm số lượng ít thì có những trường hợp công ty có ví dụ 5 cổ đông là A, B, C, D, E trong đó A chiếm 70% tổng số cổ phần, B chiếm 10%, C chiếm 10%, D và E chiếm mỗi người 5% thì A chính là cổ đông thiểu số nhưng lại là cổ đông lớn đầy quyền lực. Và ngược lại trong các công ty hàng ngàn cổ đông thì việc mỗi cổ đông sở hữu chưa tới 1% tổng số cổ phần rất nhiều thậm chí có cổ đông chỉ sở hữu 0.1% tổng số cổ phần thì việc bảo vệ quyền lợi của các cổ đông này quả thực hết sức khó khăn. Như vậy cần phải thống nhất cổ đông thiểu số là ai và có cần phải quy định tỉ lệ nhất định hay không?

2. Cơ chế bảo vệ cổ đông thiểu số theo quy định của pháp luật VN hiện hành và thực tiễn áp dụng

Để bảo vệ cổ đông thì phải sử dụng công cụ pháp luật mà trong đó quy định về quyền của cổ đông giữ vai trò quan trọng nhất. Quyền của cổ đông là điều kiện tiên quyết và quan trọng nhất để bảo vệ cổ đông, là phương tiện để cổ đông có thể sử dụng để bảo vệ mình. Những yếu tố khác như cơ chế kiểm soát bên trong thông qua cấu trúc quản trị nội bộ hay cơ chế kiểm soát bên ngoài và thiết chế đảm bảo thực thi pháp luật là những yếu tố hỗ trợ, yếu tố đảm bảo, là điều kiện cho các quyền của cổ đông được thực thi nhằm bảo vệ cổ đông³.

Về phương diện lý luận, nếu căn cứ vào các quyền và khả năng đảm bảo các quyền của cổ đông có thể chia làm hai nhóm quyền lớn. Một là các quyền mang tính phòng ngừa (prevention rights) chẳng hạn như các quyền về tài sản, về dự họp, biểu quyết tại ĐHĐCĐ, quyền được thông tin. Hai là các quyền mang tính khắc phục (remedy rights) chẳng hạn như các quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ, quyền khởi kiện người quản lý công ty khi họ vi phạm nghĩa vụ gây thiệt hại cho công ty hoặc cổ đông⁴. Luật doanh nghiệp 2005 không chia quyền của cổ đông thành các nhóm quyền mà liệt kê các quyền theo thứ tự tại các Điều 79, 81, 82, 83, 87, 90. Trong giới học thuật còn chia quyền của cổ đông, trong đó có cổ đông thiểu số thành 4 nhóm: (i) Nhóm quyền về tài sản; (ii) Nhóm quyền về quản trị hay quản lý công ty (bao gồm các quyền dự họp, biểu quyết, đề cử ứng cử); (iii) Nhóm quyền về thông tin; và (iv) Nhóm quyền về phục hồi quyền lợi hay nhóm quyền mang tính khắc phục.

Cổ đông thiểu số cũng là cổ đông phổ thông do đó họ cũng có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ giống với cổ đông phổ thông theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2005. Ngoài các quyền của cổ đông phổ thông, cổ đông thiểu số còn có những quyền rất đặc thù để họ có thể tự bảo vệ mình trước các cổ đông lớn đầy quyền lực. Cụ thể tại khoản 2 Điều 79 Luật doanh nghiệp 2005 quy

3. Quách Thúy Quỳnh, *Quyền của cổ đông thiểu số theo pháp luật VN*, Tạp chí Luật học, tháng 4-2010, tr 19.

4. Bùi Xuân Hải, *Sđd*, tr.198.

2. Bùi Xuân Hải, *Sđd*, tr.129.

định cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng hoặc một tỉ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty có các quyền quan trọng như: Đề cử người vào HĐQT và BKS (nếu có); Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán VN và các báo cáo của BKS; Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp nhất định; Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Về cơ bản, Luật doanh nghiệp 2005 đã có những cố gắng trong việc xây dựng một cơ chế để bảo vệ các cổ đông thiểu số, vốn luôn là những

nhóm lợi ích nhỏ trong công ty cổ phần, ít có khả năng tự bảo vệ quyền lợi của mình trước các cổ đông lớn. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng các quy định này đã làm phát sinh nhiều vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu và tổng kết để hoàn thiện các quy định của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông thiểu số bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình cũng như xây dựng một cơ chế hiệu quả để công ty cổ phần hoạt động.

Thứ nhất, việc thực thi các quyền trong nhóm quyền tài sản. Cổ đông thiểu số với tư cách là cổ đông của công ty chính vì vậy việc thực hiện quyền tài sản của cổ đông thiểu số cũng như các cổ đông khác. Luật doanh nghiệp

2005 đều quy định cho cổ đông thiểu số và các cổ đông lớn quyền nhận cổ tức, quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình và quyền nhận một phần tài sản khi công ty giải thể hoặc phá sản là như nhau. Mặc dù việc thực hiện các quyền này giữa các cổ đông thiểu số và cổ đông khác cùng chung lợi ích trên thực tế khi



thực hiện quyền cổ đông thiểu số rất dễ bị xâm hại. Sau đây tác giả sẽ trình bày cụ thể việc thực hiện hai quyền này trong thực tế. Chẳng hạn quyền ưu tiên mua cổ phần mới chào bán. Việc các công ty thường xuyên huy động thêm vốn để kinh doanh hoặc tăng vốn điều lệ diễn ra hàng ngày, không một công ty nào trong quá trình hoạt động mà không cần vốn chính vì lẽ đó mà việc phát hành thêm cổ phần rất hay được sử dụng. Trong các lần phát hành thêm cổ phần mới các công ty thường dành một tỉ lệ cổ phần nhất định để bán cho các cổ đông hiện có của công ty với giá ưu đãi. Sẽ không có gì để nói

nếu số cổ phần dành riêng bán cho cổ đông hiện hữu với cùng một mức giá, cùng điều kiện như nhau. Các cổ đông lớn thường có những cách thức thủ đoạn khác nhau nhằm quy định có lợi hơn cho mình ví dụ như quy định cổ đông lớn sẽ mua với tỉ lệ khác và cổ đông nhỏ mua với tỉ lệ khác hoặc quy định cả cổ đông lớn

và cổ đông nhỏ cùng mua với tỉ lệ như nhau nhưng cổ đông lớn lại được mua với giá thấp hơn so với cổ đông nhỏ. Chẳng hạn như: Công ty cổ phần vận tải xăng dầu (VIPCO) cho phép cổ đông lớn mua với giá 15.000 đồng/cổ phiếu, còn các cổ đông nhỏ lại phải mua với giá 40.000 đồng/cổ phiếu (cao gấp 2,67 lần so với cổ đông lớn) hoặc trường hợp công ty cổ phần bê tông X.M khi phát hành cổ phiếu mới, các

cổ đông hiện hữu đều được mua với giá bằng nhau 20.000 đồng/cổ phần nhưng tỉ lệ mua lại khác nhau: cổ đông sáng lập mua với tỉ lệ 1:1, cổ đông khác mua với tỉ lệ 2:1 (bằng ½ cổ đông sáng lập)⁵. Thậm chí rất nhiều trường hợp cổ đông lớn hưởng những đặc quyền vô cùng đặc biệt trong khi các cổ đông nhỏ không có gì đây là trường hợp của Công ty cổ phần giao nhận vận tải & thương mại (Vinalink) khi tăng vốn từ 36 tỉ đồng lên 90 tỉ đồng đã đề ra phương án bán 162.000 cổ phiếu cho Công ty giao nhận kho vận ngoại thương TP.HCM (Vinatrans) với giá bằng mệnh giá 100.000 đồng. Tuy nhiên, lúc

5. Bùi Xuân Hải, Sđd, tr. 207.

đó giá thị trường của Vinalink là 1,5 triệu đồng/cổ phiếu. Việc bán cổ phiếu với giá quá thấp so với giá trị thực này đã khiến cổ đông của Vinalink bất bình và phản đối. Tuy nhiên, quyết định cuối cùng vẫn là giá cổ phiếu Vinalink đem bán cho Vinatrans chỉ được tăng lên thành 150.000 đồng/cổ phiếu, chỉ bằng 10% so với giá thị trường. Cá biệt còn có trường hợp công ty dành cho người quản lý, điều hành mua cổ phiếu công ty với giá chỉ bằng $\frac{1}{4}$ giá thị trường, thậm chí là tặng luôn cổ phần với số lượng rất lớn cho những người này, ví như trường hợp của Công ty cổ phần dịch vụ Sài Gòn - Savico (SVC) cũng từng gây xôn xao dư luận khi cho cán bộ lãnh đạo mua cổ phiếu ưu đãi với giá 30.000 đồng trong khi đó giá thị trường là 118.000 đồng. Trong sự việc này, bên mua là lãnh đạo SVC đã hưởng lợi nhuận lớn, đồng thời phía chịu thiệt chính là những cổ đông nhỏ lẻ. Và dù những cổ đông nhỏ lẻ phản đối, nhưng với ưu thế cổ đông nhà nước và cổ đông là nhân viên Savico chiếm đa số vốn điều lệ nên việc này vẫn được “đa số” thông qua và trường hợp của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) lần đầu tiên đã yêu cầu thay đổi phương án phát hành cổ phiếu ưu đãi cho người lao động tại Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam (SSC - Hose). Hội đồng quản trị SSC đề xuất phương án phát hành nửa triệu cổ phiếu thưởng cho CBCNV (bằng 10% lượng cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn từ 100 lên 150

ti đồng).

Các cổ đông lớn có thể làm được như vậy vì cổ đông lớn với số biểu quyết lớn hơn do đó tiếng nói lớn hơn khi họ liên thủ, thỏa hiệp lại với nhau thì hầu hết các quyết định dễ dàng được thông qua. Một thực tế nữa là cổ đông lớn thường nằm trong HĐQT hoặc có đại diện của mình trong các cơ quan như HĐQT, BKS vì vậy họ dễ dàng thỏa hiệp với nhau. Cổ đông nhỏ cho dù không muốn nhưng họ chẳng làm được gì một phần do tiếng nói của họ nhỏ bé lên có phản đối thì vẫn không thay đổi được gì, mặt khác do tâm lý phó mặc của cổ đông nhỏ và thiếu đoàn kết dẫn đến tình trạng này. Cũng là các cổ đông nhỏ nhưng các cổ đông công ty liên doanh quản lý quỹ VN (VFM) lại làm được điều không phải ai cũng làm được. Công ty liên doanh quản lý quỹ VN (VFM) giám giá phát hành mà không thay đổi ngày chốt quyền khiến nhiều cổ đông nhỏ bị thiệt thòi, những cổ đông này lập tức lên tiếng khiến dư luận chú ý. Cuối cùng ban lãnh đạo công ty liên doanh quản lý quỹ VN phải hủy quyết định giảm giá. Đây là một sự kiện cho thấy cổ đông nhỏ khi biết liên kết sẽ đảm bảo được phần nào sự công bằng và lợi ích mà mình đáng được hưởng. Điều đó cho thấy nếu những cổ đông nhỏ hiểu biết luật pháp, đoàn kết thì bảo vệ mình tốt hơn, đồng thời phía cơ quan quản lý Nhà nước cũng có những động thái mạnh dạn, quyền lợi của nhà đầu tư nhỏ sẽ được đảm bảo tốt hơn.

Thứ hai, việc thực thi các

quyền trong nhóm quyền về quản trị công ty. Cụ thể là quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Quyền này được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 79 Luật doanh nghiệp 2005 và được chi tiết hóa tại Điều 29 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ghi nhận về số lượng ứng cử viên cụ thể mà mỗi nhóm cổ đông được đề cử, số lượng này phụ thuộc tỉ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm và số lượng ứng cử viên do Đại hội cổ đông quy định. Đối với quyền đề cử người vào HĐQT và BKS, quy định này có ý nghĩa quan trọng trong bảo vệ quyền của cổ đông nói chung và quyền của cổ đông thiểu số nói riêng vì nó quy định một khả năng gom nhóm của cổ đông để nâng cao quyền lực cho cổ đông, thực hiện quyền một cách tập thể. Bằng cách gom nhóm các cổ đông thiểu số có quyền đề cử, ứng cử người vào HĐQT, BKS góp tiếng nói về quản lý công ty và từ đó hạn chế sự lạm dụng quyền lực của những người quản lý công ty. Đây là cơ chế đảm bảo các cổ đông phổ thông luôn có đại diện của mình trong HĐQT và BKS. Có đại diện là thành viên HĐQT họ có thể nắm bắt được thông tin và tham gia quyết định, góp ý một số vấn đề quan trọng, đặc biệt là việc liên quan đến quyết định chào bán cổ phần, cổ phiếu và giá cổ phần chào bán ra bên ngoài, một vấn đề mà hầu hết các cổ đông đều quan tâm. Hầu hết, tại các cuộc họp ĐHĐCĐ chủ yếu là thông qua những nội dung mà HĐQT đã chuẩn bị sẵn. Một thống kê sơ bộ của Viện Nghiên

cứu và Quản lý kinh tế Trung ương cho thấy chỉ khoảng 8% công ty cổ phần có bổ sung nội dung mới vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, còn lại gần như “y án”.

Những quy định này cũng gián tiếp tạo điều kiện cho các cổ đông thiểu số (quy định này dành cho tất cả các cổ đông chứ không riêng gì nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông) có thể bầu được người của mình vào HĐQT và BKS bằng cách liên kết lại dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên đó. Bằng cách này, họ sẽ có khả năng đưa được đại diện của mình vào HĐQT và BKS để thể hiện tiếng nói và bảo vệ lợi ích của mình. Cơ chế bầu dồn phiếu là cơ chế du nhập về và nước đầu tiên thực hiện là Mỹ⁶, cơ chế này rất hay làm tăng khả năng cổ đông thiểu số có được người đại diện của mình trong HĐQT và BKS nhưng nếu cổ đông không được tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ thì quy định này coi như “bị treo”. Khi nghiên cứu kỹ quy định này có phần hơi phi lý mâu thuẫn với thực tế vì tại sao luật lại ràng buộc điều kiện các cổ đông hay nhóm cổ đông phải nắm giữ cổ phần tối thiểu trong sáu tháng, rõ ràng luật quy định các cổ đông như nhau sẽ nắm giữ các quyền như nhau. Trong cuộc họp ĐHĐCĐ giả sử cổ đông tham dự là 100% theo khoản 3 Điều 29 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP thì cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên. Trong khi đó

nếu các cổ đông này nắm giữ cổ phần dưới sáu tháng thì sẽ mất quyền này đương nhiên việc bầu này lại chuyển cho nhóm cổ đông đại số, luật làm thế chẳng khác gì hành động tiếp tay hợp pháp cho các cổ đông lớn ức hiếp cổ đông thiểu số, họ là cổ đông là chủ sở hữu công ty nên dù chỉ sở hữu cổ phần mới một ngày thì họ vẫn có quyền này, chẳng lẽ những chủ sở hữu lâu mới có quyền còn chủ sở hữu mới không có quyền trong khi việc bầu HĐQT và BKS lại xảy ra thường niên (trừ trường hợp đặc biệt). Quy định này không thật phù hợp dưới góc độ luật học, đã là chủ sở hữu thì đương nhiên có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt. Luật quy định minh thị là thế nhưng trong quy định này chính nhà làm luật lại tước đi quyền định đoạt của cổ đông thiểu số nhưng sau khi cướp đi quyền này thì lại trang bị cho họ cơ chế thực hiện cái quyền mình không còn.

Luật doanh nghiệp 2005 quy định việc bầu các thành viên HĐQT và BKS phải theo phương thức bầu dồn phiếu nhưng chưa hướng dẫn chi tiết nên trong thực tiễn áp dụng còn lúng túng, dẫn đến tranh chấp quyền lực tại khá nhiều CTCP. Những khó khăn, vướng mắc này đã được tháo gỡ tại Điều 29 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP. Thế nhưng, còn tồn tại một vướng mắc về điều kiện trúng cử của thành viên HĐQT và BKS giữa quy định của Luật doanh nghiệp 2005 và Nghị định số 102/2010/NĐ-CP. Theo khoản 4 Điều 29 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP

thì: “Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty”. Theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 3 Điều 104 Luật doanh nghiệp 2005: “Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện: Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu”. Như vậy, xuất phát từ những quy định này, điều kiện trúng cử của thành viên HĐQT và BKS có thể được hiểu theo hai cách sau:

Thứ nhất, người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên HĐQT phải có số cổ phiếu bầu cao tương ứng, nhưng ít nhất phải bằng 65% tổng số cổ phần của cổ đông tham dự họp.

Thứ hai, người trúng cử vào HĐQT và BKS được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp mà không theo tỉ lệ khống chế là phải đạt được số phiếu bầu trên 51% hay 65% tổng số cổ phần của cổ đông tham dự họp.

Tham khảo quy định bầu dồn phiếu ở một số quốc gia trên thế giới như: Hàn Quốc, Indonesia, Malaysia, Thái Lan, ... mặc dù có quy định về phương thức bầu dồn phiếu nhưng rất ít các công ty áp dụng hình thức này. Tại các nước này, thành viên HĐQT thường được bầu theo hình thức

6. Bùi Xuân Hải, *Sdd*, tr. 266.



biểu quyết đa số cổ đông có mặt tại ĐHĐCĐ. Riêng Hàn Quốc có đưa ra một quy định về ứng viên cho vị trí thành viên HĐQT là phải nhận được ít nhất 25% tổng số phiếu bầu của toàn bộ các cổ đông⁷. So với VN, con số tương tự này phải là 65% nếu như hiểu theo cách thứ nhất.

Ở Mỹ thì phương thức bầu dồn phiếu chỉ được áp dụng dễ dàng trong các công ty không phát hành chứng khoán, còn ở các công ty phát hành chứng khoán thì không khả thi vì số cổ đông quá lớn. Trong việc bầu chọn Ban giám đốc “trừ khi có những quy định khác trong điều khoản thành lập công ty, còn thì các giám đốc được bầu bằng đa số phiếu, có nghĩa là các ứng cử viên có số phiếu bầu lớn nhất sẽ được chọn, cho dù họ có đạt được sự tán đồng từ đa số cổ phiếu có quyền tham gia bỏ phiếu hay không”⁸, quy định này tương

tự với quy trình bầu chọn thành viên HĐQT và BKS tại VN nếu hiểu theo cách thứ hai.

Trên thực tế, tại VN, các cơ quan nhà nước đã giải thích theo cách thứ nhất. Chẳng hạn theo thành viên của tổ công tác thi hành Luật doanh nghiệp 2005, ông Nguyễn Đình Cung - Trưởng Ban nghiên cứu kinh tế vĩ mô - CIEM thì “tỉ lệ 65% vẫn áp dụng cho bầu dồn phiếu”, quy định này đã không bảo vệ được cổ đông thiểu số theo thông lệ quốc tế⁹.

Thứ ba, việc thực thi các quyền trong nhóm quyền về thông tin. Quyền yêu cầu BKS kiểm tra các vấn đề liên quan đến quản lý và điều hành hoạt động của công ty; được xem xét, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, và các báo cáo của BKS, quyền này gọi chung là quyền được thông tin, nhằm cung cấp cho các cổ đông thiểu số có thể kiểm soát và theo dõi được

tình hoạt động của công ty, quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 79 Luật doanh nghiệp 2005. Do hình thức công ty cổ phần là sự kết hợp giữa những người có vốn và những người có khả năng kinh doanh, chủ sở hữu chưa chắc đã là người đứng ra kinh doanh, quản lý công ty nên trường hợp người quản lý công ty lợi dụng khả năng, chức vụ của mình để làm lợi riêng, gây nguy hại đến công ty là có thể xảy ra. Vì vậy những quy định này giúp các cổ đông thiểu số có thể thể hiện quyền sở hữu của mình đối với công ty thông qua khả năng nắm bắt tình hình hoạt động cụ thể của công ty, có những biện pháp kiểm tra, ngăn ngừa hành vi vi phạm, lạm quyền của bộ máy quản lý công ty.

Để bảo vệ được lợi ích của các cổ đông thiểu số, trước hết phải dựa vào số lượng thông tin mà họ tiếp cận được, chất lượng của các thông tin và thời điểm, tính kịp thời của thông tin mà họ có thể nhận được và từ đó phân tích để bảo vệ lợi ích của các cổ đông. Đồng thời lợi ích còn phụ thuộc vào năng lực của

7. Trương Thị Nam Thắng, “Một số điều chỉnh khuôn khổ thể chế về quản trị công ty tại bốn nước Đông Nam Á sau khủng hoảng”, Tạp chí “Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới”, số 01 năm 2008.

8. Alan B. Morison, Những vấn đề cơ bản của Luật pháp Mỹ, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 528.

9. Tham khảo địa chỉ: http://www.hca.org.vn/tin_tuc/vde_qtam/nam2007/thang6/DDDN_Vietnam/bai13_bis.pdf và địa chỉ: <http://vibonline.com.vn/vi-VN/Home/PrintTopic.aspx?TopicID=1574>.

các nhà đầu tư. Liệu nhà đầu tư có khả năng phân tích đánh giá những thông tin có được để từ đó đầu tư một cách thích hợp hay không.

Về phía pháp luật đã quy định khá đầy đủ. Tuy nhiên, xét về mặt công bố thông tin so với những thông lệ quốc tế thì ta mới chủ yếu chú ý đến thông tin quá khứ, những thông tin công bố định kỳ về báo cáo tài chính hàng quý, những thông tin đột xuất mà công ty phải

công ty và những công ty khác, năng lực kinh nghiệm của HĐQT, ai giới thiệu vào HĐQT. Những thông tin này rất quan trọng, không những giúp nhà đầu tư đánh giá được năng lực của đội ngũ HĐQT, mà còn đánh giá được tính khách quan, công bằng, vô tư không thiên vị trong hoạt động kinh doanh. Đối với các nhà đầu tư thiểu số, hai nhóm thông tin về tương lai rất quan trọng. Bởi có như vậy thì mọi

không có quyền yêu cầu.

Thứ tư, việc thực thi các quyền trong nhóm quyền phục hồi quyền lợi. Cụ thể là quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài huỷ quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Luật doanh nghiệp 2005 đã trao cho cổ đông quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ; trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty¹⁰. Với quyền năng này, cổ đông mà đặc biệt là cổ đông thiểu số có thể chủ động lên tiếng, yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài can thiệp để bảo vệ quyền lợi của mình. Điều này cũng hạn chế được sự thụ động trong việc cổ đông chỉ biết trông chờ vào sự giám sát của cơ quan nhà nước, bởi vì quyết định của ĐHĐCĐ là những vấn đề mang tính nội bộ của doanh nghiệp, hơn ai hết cổ đông sẽ là người tiếp cận và bị tác động nhanh nhất, do đó trao quyền năng này cho cổ đông để tự họ chủ động bảo vệ mình là hoàn toàn hợp lý. Tuy nhiên, với vị trí và tính cách thụ động của mình, cổ đông thiểu số rất ít khi sử dụng quyền năng này. Hơn nữa, việc đưa yêu cầu tới Trọng tài và Toà án lại gặp phải khó khăn từ nhiều phía, bởi để được đưa yêu cầu giải quyết đến Trọng tài, đòi hỏi Điều lệ công ty phải quy định nội dung này hoặc phải đạt được thoả thuận với HĐQT về việc này. Một vấn đề khác nữa việc yêu cầu giải quyết tranh

Quyền của cổ đông là điều kiện tiên quyết và quan trọng nhất để bảo vệ cổ đông, là phương tiện để cổ đông có thể sử dụng để bảo vệ mình.

công bố, những giao dịch nội bộ mà công ty phải công bố theo quy định của Thông tư số 38/2007-TT-BTC ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Riêng những thông tin đánh giá về tương lai của công ty như nhóm thông tin về HĐQT và nhóm thông tin đánh giá của HĐQT về tương lai quản trị của công ty, thì hiện nay còn thiếu và pháp luật chưa yêu cầu. Thông tin tương lai, hiện nay theo thông lệ quốc tế, có hai nhóm thông tin về tương lai rất quan trọng đối với nhà đầu tư. Thứ nhất, nhóm thông tin về đánh giá của HĐQT như: về thay đổi thị trường sản phẩm, thị trường đầu ra của công ty, những tác động của thị trường vốn và những yếu tố khác. Thứ hai nhóm thông tin về HĐQT như: thành viên HĐQT có sở hữu bao nhiêu phần trăm trong

giao dịch của công ty kể cả giao dịch chuyển nhượng cổ phần của thành viên HĐQT mới có thể đánh giá được một cách minh bạch và công bằng. Trong khi đó trong giới đầu tư hiện nay năng lực phân tích chưa đáp ứng được nhu cầu cũng như kỳ vọng. Họ có thể còn thiếu hiểu biết về cách thức, công cụ cơ chế để có thể tự bảo vệ lấy lợi ích của mình.

Do đó khi phân tích thực tế quy định pháp luật VN về quyền này thì còn không ít bất cập. Một là lượng thông tin bắt buộc phải cung cấp khi có yêu cầu là rất hạn chế; hai là còn giới hạn chủ thể được yêu cầu cung cấp chỉ có cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng mới có quyền này nếu không thỏa mãn hai điều kiện thì

10. Xem Điều 107 Luật doanh nghiệp 2005.

chấp tại Trọng tài thương mại khi tranh chấp đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài thương mại theo khoản 1 Điều 2 Luật Trọng tài thương mại 2010 là “Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại” mà hoạt động thương mại là việc thực hiện một hay nhiều hành vi thương mại của cá nhân, tổ chức kinh doanh. Việc cổ đông yêu cầu Trọng tài hủy quyết định của ĐHĐCĐ có thuộc thẩm quyền của trọng tài hay không còn rất nhiều ý kiến khác nhau.

Trong khi đó, nếu đưa yêu cầu tới Tòa án, cổ đông thiểu số cũng sẽ rất khó khăn để được Tòa án thụ lý do các vướng mắc từ cơ quan tài phán trong việc xác định loại vụ việc dân sự để phân công thụ lý và giải quyết. Có trường hợp Tòa án giải quyết ngay mà không gặp trở ngại gì như Bản án số 244/2007/KDTM-PT ngày 6 tháng 12/2007 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, cũng có trường hợp Tòa án thụ lý nhưng khó xác định đây là việc dân sự hay vụ án dân sự ví như tranh chấp tại Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Đáy Sài Gòn cả Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân TP.HCM và Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao cho rằng đây là việc dân sự nhưng trong tranh chấp tương tự tại Công ty cổ phần 565 thì hai Tòa này lại cho rằng đây là vụ án dân sự.

3. Giải pháp hoàn thiện cơ chế bảo vệ cổ đông thiểu số trong công ty cổ phần

Qua phân tích những quy

định của Luật doanh nghiệp 2005 cũng như các quy định của các văn bản pháp luật khác có liên quan chúng ta thấy về cơ bản pháp luật VN hiện hành đã thiết lập một cơ chế nhằm bảo vệ các cổ đông thiểu số trong công ty cổ phần. Tuy nhiên, quá trình áp dụng các quy định này trên thực tiễn đã phát sinh nhiều vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện. Trong phạm vi bài viết chúng tôi xin nêu một vài kiến nghị nhằm góp phần giải quyết vấn đề này:

Thứ nhất, Luật doanh nghiệp 2005 cần phải định nghĩa rõ ràng cổ đông thiểu số là ai, đặc điểm của cổ đông thiểu số là gì để có thể nhận dạng được họ đồng thời để họ biết quyền và nghĩa vụ của mình ra sao. Vấn đề rất quan trọng này nhưng trong Luật doanh nghiệp 2005 không có quy định nào nói về cổ đông thiểu số họ là ai, chúng ta định nghĩa cổ đông thiểu số dựa trên các quy định diễn tả về cổ đông lớn. Theo chúng tôi, việc xác định có là cổ đông thiểu số hay không không nên dựa vào tỉ lệ sở hữu với những con số tuyệt đối mà nên căn cứ vào khả năng chi phối được công ty, khả năng áp đặt quan điểm, ý chí, đường lối, sách lược của mình trong công ty. Tùy vào cơ cấu sở hữu mỗi công ty để xác định đâu là cổ đông thiểu số sẽ chính xác hơn tránh tình trạng cùng một tỉ lệ sở hữu cổ phần như nhau nhưng có công ty thì họ là cổ đông thiểu số, có công ty thì họ lại không phải là cổ đông thiểu số nếu căn cứ theo tỉ lệ 10%. Tham khảo quy định

của Trung Quốc tỉ lệ này là 3%, tỉ lệ này là có thể chấp nhận được. Chúng tôi kiến nghị nên quy định tỉ lệ này nhỏ xuống và kết hợp với các tiêu chí khác cơ cấu tỉ lệ sở hữu, khả năng chi phối... hoặc là không căn cứ vào tỉ lệ cổ phần cụ thể để quy định là cổ đông thiểu số mà trao quyền cho chính công ty đó quyết định, thể hiện trong bản Điều lệ công ty tiêu chí cổ đông thiểu số là gì và phải được tất cả cả đồng đồng ý thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ và sau mỗi lần phát hành thêm cổ phần, tăng giảm vốn điều lệ thì Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải có điều chỉnh cụ thể về tiêu chí xác định cổ đông thiểu số. Việc trao cho công ty quyền này sẽ tạo sự chủ động cho công ty và đại diện cho tiếng nói của tất cả cổ đông và quan trọng là phù hợp với chính công ty đó thì sẽ phát huy được tác dụng của quy định.

Thứ hai, khoản 2 Điều 79 Luật doanh nghiệp 2005 quy định cho các cổ đông hoặc nhóm cổ đông đạt tỉ lệ 10% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền triệu tập ĐHĐCĐ, đề cử người vào HĐQT và BKS, xem xét trích lục biên bản nghị quyết của ĐHĐCĐ, yêu cầu BKS từng vấn đề cụ thể. Như đã trình bày ở trên tỉ lệ 10% là rất lớn rất khó để cổ đông các công ty đại chúng hay các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa đạt được, tỉ lệ này ở Trung Quốc chỉ là 3%. Khi đã thỏa mãn tỉ lệ này thì phải thỏa mãn một điều kiện khác đó là phải sở hữu ít sáu tháng liên tục—điều kiện đủ, quy định vô hình chung này đã làm khó các cổ đông khi



thực hiện quyền của họ. Theo quy định của pháp luật thì cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phần trong thời gian giữa hai phiên họp ĐHĐCĐ thì được phép tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, pháp luật đã thừa nhận quyền tham dự của họ tại sao lại không cho họ được tham gia biểu quyết góp ý kiến. Như vậy cho dù là chỉ mới nhận chuyển nhượng cổ phần nhưng chính pháp luật đã cho phép họ tham dự ĐHĐCĐ thì tại sao cho phép tham gia ĐHĐCĐ nhưng lại không cho họ thực hiện các quyền của mình tại khoản 2 Điều 79 này, sự hiện diện của họ tại ĐHĐCĐ chỉ cho đủ thôi hay sao, nếu quả vậy thì các doanh nghiệp thật rảnh rỗi mời họ đến tham dự để rồi ngồi đó và xem. Quy định này thực chất chỉ làm khó các cổ đông nhỏ bởi nếu là các cổ đông lớn nhận chuyển nhượng nhưng không đủ sáu tháng thì họ có quyền biểu quyết hay không vấn đề này luật không nói. Ví dụ trường hợp một cổ đông nhận chuyển nhượng tới 40% cổ phần

của công ty trước ĐHĐCĐ chỉ hai tháng thôi thì thử hỏi cổ đông này có các quyền của nhóm cổ đông sở hữu 10% không. Thực tế cho thấy khi cổ đông sở hữu tới 40% cổ phần thì thực sự họ đã là cổ đông lớn đến rất lớn và họ được thực hiện quyền của mình như thông thường mà không gặp phải hạn chế nào, chẳng một cổ đông nào sở hữu tới 40% cổ phần mà lại để người khác bầu thành viên HĐQT hay BKS mà mình đứng xem cả. Ở đây đã tạo sự phân biệt đối xử giữa cổ đông nhỏ và cổ đông lớn, nếu là cổ đông lớn do nhận chuyển nhượng cổ phần nhưng chưa đủ sáu tháng thì vẫn có đầy đủ quyền còn cổ đông nhỏ lại không. Pháp luật quy định đã là cổ đông là như nhau mỗi cổ phiếu đều cho cổ đông sở hữu nó những quyền và nghĩa vụ ngang nhau, vậy tại sao lại hạn chế quyền của cổ đông nhỏ. Và cho dù chưa sở hữu đủ sáu tháng liên tục nhưng họ đã là cổ đông và những vấn đề đó liên quan trực tiếp đến quyền lợi

thiết thân của họ. Theo chúng tôi, nên sửa lại khoản 2 Điều 79 theo hướng không quy định cổ đông, nhóm cổ đông phải sở hữu trong sáu tháng liên tục đồng thời quy định tỉ lệ nhỏ hơn 10% thì phù hợp hơn, 10% là quá lớn.

Thứ ba, quy định tại khoản 3 Điều 79 Luật doanh nghiệp 2005 nhóm cổ đông tại khoản 2 Điều 79 triệu tập ĐHĐCĐ khi HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, quyền của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao nhưng nhà làm luật lại không quy định thế nào là vi phạm nghiêm trọng. Điều này làm quy định này trở thành quy định mang tính hình thức không thực tế. Nhà làm luật cần quy định rõ thế nào là vi phạm nghiêm trọng, trong những trường hợp nào thì HĐQT đã vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông trong các văn bản hướng dẫn Luật doanh nghiệp 2005. Có như thế cổ đông mới nắm rõ quyền của mình tránh tình trạng cổ đông triệu tập ĐHĐCĐ một

cách tùy tiện hay cổ đông không dám thực hiện quyền của mình. Đó đồng thời cũng là mức giới hạn cho các nhà quản lý, thành viên HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Đồng thời khi HĐQT có các sai phạm nghiêm trọng này thì cá nhân các cổ đông có được quyền khởi kiện trách nhiệm dân sự thành viên HĐQT khi đã không thực hiện quyền triệu tập ĐHĐCĐ hay không? Vấn đề này luật không nói tới, một thực tế khác là chúng ta luôn cho rằng cái gì luật không cấm thì được phép làm nhưng khi thực hiện quyền năng này thì các cơ quan nhà nước lại cho rằng không có quy định về vấn đề này nên không giải quyết. Theo quan điểm của tác giả thì song song với việc triệu tập ĐHĐCĐ thì cổ đông không mất quyền viện dẫn cơ quan nhà nước bảo vệ khi lợi ích của mình bị thiệt hại thông qua các chế định về khởi kiện trách nhiệm dân sự, bởi đây là hai quan hệ độc lập một quan hệ là làm tổn hại lợi ích chung, một quan hệ là gây thiệt hại lợi ích riêng của mỗi cổ đông chính vì vậy cổ đông có quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại cho bản thân và triệu tập ĐHĐCĐ để chấm dứt hành vi sai trái của HĐQT.

Thứ tư, quy định về bầu dồn phiếu tại điểm c khoản 3 Điều 104 Luật doanh nghiệp 2005 với mục đích chính là tăng cường quyền lực cho cổ đông nhỏ nhưng để quy định này phát huy hiệu quả hơn nữa theo tác giả nên quy định tỉ lệ thông qua quyết

định bầu thành viên HĐQT và BKS chỉ cần tuân theo quy tắc có số phiếu bầu từ cao xuống và thấp nhất phải được 25% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận nếu dưới 25% thì khó mà đại diện cho tiếng nói chung của các cổ đông. Hiện nay tỉ lệ 65% là quá cao và cho dù có bầu dồn phiếu thì cổ đông thiểu số cũng khó mà có tiếng nói với tỉ lệ này. Một số ý kiến khác muốn trao quyền hơn nữa cho các cổ đông thiểu số thông qua cơ chế bầu dồn phiếu bằng cách cho phép cổ đông thiểu số được đề cử và bầu chọn ít nhất $\frac{1}{2}$ thành viên BKS¹¹, ý kiến này đã quá chú trọng bảo vệ cổ đông thiểu số mà quên mất nguyên tắc bình đẳng giữa các cổ đông. Nếu quy định theo như ý kiến này thì đã tạo sự phân biệt đối xử rõ ràng giữa cổ đông lớn và cổ đông thiểu số, vượt quá yêu cầu cần thiết bảo vệ của cổ đông thiểu số. Tác giả cho rằng các quy định về bầu dồn phiếu cơ bản là tốt nhưng để phát huy hiệu quả thì cần kết hợp với các quy định khác mà đầu tiên phải quy định việc bầu thành viên HĐQT và BKS chỉ cần theo thứ tự từ cao xuống thấp và tối thiểu phải đảm bảo tỉ lệ 25%.

Thứ năm, quyền yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề liên quan đến quản lý và điều hành hoạt động của công ty; được xem xét, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, và các báo cáo của Ban kiểm soát. Quyền

thông tin này thì pháp luật cần cụ thể và chi tiết hơn không chỉ là cung cấp các thông tin trong quá khứ mà cả thông tin tương lai như về thay đổi thị trường sản phẩm, thị trường đầu ra của công ty, những tác động của thị trường vốn và những yếu tố khác hoặc nhóm thông tin về HĐQT như: thành viên HĐQT có sở hữu bao nhiêu phần trăm trong công ty và những công ty khác, năng lực kinh nghiệm của HĐQT, ai giới thiệu vào HĐQT. Một vấn đề khác trong nhóm quyền này là quyền yêu cầu tra cứu, trích lục, sao chép thông tin này thì các cổ đông có nhu cầu tự làm hay yêu cầu bằng văn bản để công ty cung cấp, có phải tất cả các yêu cầu của cổ đông đều được chấp thuận. Chúng tôi cho rằng cổ đông có quyền yêu cầu công ty cung cấp các thông tin cần thiết mà luật đã cho phép bất kể khi đã được cung cấp trước đây rồi và nếu HĐQT không cung cấp là vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin làm tổn hại đến lợi ích của cổ đông và Tòa án có nghĩa vụ giải quyết khi có yêu cầu của cổ đông.

Thứ sáu, vấn đề hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Luật doanh nghiệp 2005 trao cho các cổ đông quyền yêu cầu Tòa án, Trọng tài hủy quyết định ĐHĐCĐ khi trình tự và thủ tục triệu tập họp, trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, tác giả cho rằng yêu cầu Tòa án hủy là hợp lý căn cứ theo Bộ luật dân sự 2004, không nên quy định cho Trọng tài thẩm quyền này bởi các

11. Bùi Xuân Hải, Sđd, tr. 275.

lý do sau: vấn đề tranh chấp này có thuộc thẩm quyền của Trọng tài hay không thì còn nhiều tranh cãi dẫn đến hệ quả khi Trọng tài giải quyết thì quyết định đó rất dễ bị Tòa án hủy với lý do không thuộc thẩm quyền của Trọng tài như vậy sẽ rất phiền phức và tốn kém; tiếp nữa để yêu cầu Trọng tài giải quyết thì không hề dễ hoặc là điều lệ quy định hoặc là các bên phải thỏa thuận Trọng tài thì mới được yêu cầu Trọng tài giải quyết nhưng thường điều lệ sẽ không quy định vấn đề này còn khi tranh chấp thì khó mà có thể đi đến thỏa thuận Trọng tài được. Trước đây còn tranh cãi việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ là việc dân sự hay vụ án dân sự nhưng sau khi Tòa kinh tế -Tòa án nhân dân tối cao cho rằng đây là loại việc dân sự chứ không có tranh chấp, không phải là vụ án kinh doanh, thương mại¹² thì mới có cách hiểu thống nhất. Có thể lấy ví dụ trường hợp vụ kiện tụng giữa HĐQT cũ và HĐQT mới CTCP Đai Sài Gòn, Bản án sơ thẩm số 511/2006/KDTM-ST ngày 12/10/2006 cho rằng đây là vụ án dân sự và ra phán quyết chấp nhận kết quả Đại hội cổ đông bất thường buộc HĐQT cũ phải giao “quyền lực” cho HĐQT mới¹³, nhưng sau khi bản án sơ thẩm bị kháng cáo lên Tòa Phúc thẩm -Tòa án Nhân dân Tối cao cho rằng đây là việc dân sự và có vi phạm nghiêm trọng

thủ tục tố tụng nên đã tuyên hủy Bản án sơ thẩm và yêu cầu giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Ngày 28/9/2007, Tòa án Nhân dân TP.HCM đã ra Quyết định số 1875/QĐVDS-KDTM-ST tuyên hủy quyết định của ĐHĐCĐ, với tính cách là một việc dân sự¹⁴. Đồng thời theo quan điểm của Tòa kinh tế -Tòa án Nhân dân Tối cao thì trong thời gian Tòa án chưa ra bản án có hiệu lực pháp luật tuyên hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ thì quyết định của ĐHĐCĐ vẫn có hiệu lực pháp luật¹⁵, vấn đề này chưa hợp lý bởi nếu sau khi Tòa án tuyên hủy quyết định của ĐHĐCĐ thì giải quyết ra sao với quyết định này khi nó đã và đang được thực hiện, có thể nói rằng nhà làm luật đã đặt việc này vào tình trạng việc đã rồi. Theo tác giả nếu hiểu theo cách quyết định của ĐHĐCĐ vẫn có hiệu lực thì nên bỏ quyền yêu cầu hủy quyết định của ĐHĐCĐ tại Điều 107 Luật doanh nghiệp 2005, vì vậy tác giả kiến nghị quyết định của ĐHĐCĐ đang bị khởi kiện thì không có hiệu lực và những người khởi kiện nhưng không đúng sẽ phải bồi thường thiệt hại cho công ty như vậy vừa bảo đảm phán quyết có hiệu quả nhưng không ai dám lợi dụng quyền năng này để làm sai trái hay cản trở sự phát triển của công ty. Một ví dụ khác cũng liên quan tới CTCP Đai Sài Gòn, cổ đông Trần Thanh Huy đại diện

cho 1,01% cổ phần có quyền biểu quyết yêu cầu Tòa án tuyên hủy Nghị quyết hợp ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 3 năm 2005 do công ty đã vi phạm thủ tục triệu tập cuộc họp. Điều lệ quy định việc ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải có chứng thực nhưng công ty không tuân thủ quy định của điều lệ chấp nhận phiếu ủy quyền không có chứng thực. Bản án sơ thẩm số 321/2005/KDTM-ST ngày 01 tháng 11 năm 2005 Tòa án Nhân dân TP.HCM đã tuyên hủy toàn bộ quyết định của ĐHĐCĐ do vi phạm Điều lệ công ty.

Với những kiến nghị và lý giải như trên chúng tôi mong muốn pháp luật doanh nghiệp VN tiếp tục hoàn thiện hơn nữa cơ chế bảo vệ cổ đông thiểu số trong công ty cổ phần, một trong những thiết chế quan trọng của nền kinh tế thị trường ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Alan B.Morison, *Những vấn đề cơ bản của luật pháp Mỹ*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Bùi Xuân Hải, *Luật doanh nghiệp bảo vệ cổ đông pháp luật và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia, 2011.

Luật doanh nghiệp 2005.

Quách Thúy Quỳnh, “Quyền của cổ đông thiểu số theo pháp luật VN”, Tạp chí *Luật học*, tháng 4/2010.

Trương Thị Nam Thắng, “Một số điều chỉnh khuôn khổ thể chế về quản trị công ty tại bốn nước Đông Nam Á sau khủng hoảng”, Tạp chí *Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, số 01 năm 2008.

12. Tòa kinh tế – Tòa án Nhân dân Tối cao, *Tham luận tại Hội nghị tổng kết ngành tòa án năm 2009 và triển khai nhiệm vụ năm 2010*.

13. *Tham khảo tại địa chỉ: http://www.tin247.com/cong_nhan_cuoc_dao_chinh_o_cong_ty_day_sai_gon-6-21298499.html*.

14. Bùi Xuân Hải, *Vấn đề hủy bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông theo pháp luật doanh nghiệp VN*, Tạp chí *nghiên cứu Lập pháp điện tử*.

15. Tòa Kinh tế – Tòa án Nhân dân tối cao, *Tham luận về tình hình thụ lý giải quyết các vụ việc kinh doanh thương mại năm 2007*, tr. 12.